

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH**

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN VĂN THUẬT

**TRUYỀN THÔNG PHÒNG, CHỐNG TIN GIẢ
TRÊN CÁC NỀN TẢNG SỐ CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM
HIỆN NAY**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

Ngành: Quan hệ công chúng

Mã số : 9 32 0108

HÀ NỘI - 2026

Công trình được hoàn thành tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Người hướng dẫn khoa học: PGS,TS. Phạm Minh Sơn

Chủ tịch Hội đồng:

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền
vào hồi giờ ngày tháng năm 2026

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

PHẦN MỞ ĐẦU

Lý do chọn đề tài: Tin giả và thông tin sai lệch đang trở thành thách thức nghiêm trọng đối với môi trường thông tin, đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và năng lực quản trị quốc gia. Internet, mạng xã hội, thuật toán đề xuất nội dung, AI tạo sinh và deepfake làm thông tin sai lệch được tạo ra nhanh hơn, tinh vi hơn, lan truyền rộng hơn và khó nhận diện hơn. Trong bối cảnh đó, truyền thông phòng, chống tin giả không chỉ là phát hiện, gỡ bỏ hay xử lý nội dung sai sau khi lan truyền mà còn bao gồm chủ động cung cấp thông tin chính thống, kiểm chứng, cảnh báo, đính chính, phản bác, truyền thông chính sách và nâng cao năng lực nhận diện, kiểm chứng của công chúng. Mặc dù các nghiên cứu trong và ngoài nước đã tiếp cận vấn đề từ nhiều hướng như truyền thông và công chúng; tin giả; nền tảng số, dữ liệu, công nghệ và thuật toán; truyền thông Chính phủ, truyền thông chính sách và Chính phủ số, các cách tiếp cận còn tương đối phân tán. Khoảng trống nổi bật là thiếu nghiên cứu tích hợp đồng thời các chiều cạnh của hoạt động truyền thông phòng, chống tin giả của Chính phủ Việt Nam trên các nền tảng số từ góc độ quan hệ công chúng khu vực công. Vì vậy, luận án lựa chọn đề tài “Truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số của Chính phủ Việt Nam hiện nay” nhằm góp phần bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động này.

Mục đích nghiên cứu: Luận án nhằm làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về truyền thông phòng, chống tin giả của Chính phủ Việt Nam trên các nền tảng số từ góc độ quan hệ công chúng khu vực công; phân tích thực trạng, cơ chế tổ chức và vận hành của hoạt động này; trên cơ sở đó đề xuất phương hướng và hệ thống giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông phòng, chống tin giả của Chính phủ Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Nhiệm vụ nghiên cứu: Để đạt được mục đích nghiên cứu đã xác định, luận án tập trung thực hiện bốn nhiệm vụ chủ yếu sau: (i) Tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về truyền thông và công chúng trong môi trường số; tin giả; nền tảng số, dữ liệu, công nghệ và thuật toán; truyền thông Chính phủ, truyền thông chính sách và Chính phủ số, qua đó khái quát các hướng tiếp cận, kết quả chủ yếu, xác định khoảng trống và hướng nghiên cứu của luận án; (ii) Hệ thống hóa và luận giải cơ sở lý luận, cơ sở chính trị, pháp lý; phân tích vai trò của truyền thông phòng, chống tin giả của Chính phủ trên các nền tảng số đối với quản trị quốc gia, người dân và xã hội; từ đó xây dựng khung phân tích trên cơ sở kế thừa mô hình Shannon–Weaver (1949) và vận dụng các lý thuyết có liên quan; (iii) Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng theo bốn chiều cạnh: chủ thể và chính sách truyền thông; kênh truyền thông, công nghệ và thuật toán; nội dung và

dữ liệu truyền thông; công chúng và phản hồi công chúng; qua đó làm rõ kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra; (iv) Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn, xác định những vấn đề đặt ra, đồng thời đề xuất phương hướng và hệ thống giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông phòng, chống tin giả của Chính phủ Việt Nam trên các nền tảng số.

Đối tượng nghiên cứu: Truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số của Chính phủ Việt Nam hiện nay.

Phạm vi nghiên cứu: Về nội dung, luận án nghiên cứu hoạt động cung cấp và lan tỏa thông tin chính thống, giải thích chính sách, phát hiện, kiểm chứng, cảnh báo, đính chính, phản bác thông tin sai lệch; phòng ngừa, nâng cao năng lực nhận diện của công chúng; tương tác, tiếp nhận và phản hồi. Về không gian và chủ thể, luận án khảo sát 21 kênh truyền thông chính thức thuộc bốn cơ quan: Văn phòng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an. Kết quả thực nghiệm phản ánh phạm vi bốn chủ thể và 21 kênh được khảo sát, không đồng nhất với toàn bộ hệ thống cơ quan tham gia truyền thông phòng, chống tin giả. Về thời gian, dữ liệu được khảo sát từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/5/2026.

Cơ sở lý luận và thực tiễn: Luận án được thực hiện trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thông tin, truyền thông, chuyển đổi số, an ninh mạng và phòng, chống tin giả. Về phương diện lý thuyết, mô hình truyền thông Shannon–Weaver (1949) được sử dụng làm khung lý thuyết trung tâm; mô hình Lasswell và các lý thuyết Truyền thông hai chiều đối xứng, Thiết lập chương trình nghị sự, Sinh thái truyền thông, Tiềm phòng được vận dụng có chọn lọc để bổ trợ. Từ đó, luận án xây dựng khung phân tích gồm bốn câu phân có quan hệ tương tác: chủ thể và chính sách; kênh truyền thông, công nghệ và thuật toán; nội dung và dữ liệu; công chúng và phản hồi.

Phương pháp nghiên cứu: Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, trong đó nghiên cứu định tính giữ vai trò chủ đạo, định lượng có chức năng mô tả và bổ trợ. Các phương pháp cụ thể gồm tổng quan tài liệu; phân tích nội dung và xây dựng bộ dữ liệu; phỏng vấn sâu; điều tra xã hội học bằng bảng hỏi; tổng hợp, đối chiếu và tam giác hóa dữ liệu. Bộ dữ liệu thực chứng gồm 14.580 đơn vị nội dung thu thập trên 21 kênh chính thức của bốn chủ thể trong giai đoạn 01/01/2025–30/5/2026; 09 cuộc phỏng vấn sâu bán cấu trúc; 327 phiếu khảo sát được giữ lại sau làm sạch, với số quan sát hợp lệ của từng câu hỏi từ 313 đến 322.

Các nguồn dữ liệu được sử dụng theo chức năng bổ trợ và đối chiếu lẫn nhau: phân tích nội dung phản ánh hoạt động truyền thông quan sát được trên các

kênh chính thức; khảo sát bổ sung đánh giá của những người tham gia; phỏng vấn sâu hỗ trợ lý giải cơ chế tổ chức, quá trình thực hiện và những vấn đề mà các nguồn dữ liệu khác chưa phản ánh đầy đủ. Các nguồn được đối chiếu theo nguyên tắc tam giác hóa nhằm tăng tính toàn diện và độ tin cậy của kết quả nghiên cứu. Khảo sát được phân tích bằng thống kê mô tả; các kết luận được giới hạn trong phạm vi bằng chứng mà từng nguồn dữ liệu cho phép, không sử dụng dữ liệu khảo sát để kiểm định mô hình, suy luận nhân quả hoặc suy rộng cho toàn bộ công chúng Việt Nam.

Câu hỏi nghiên cứu: Luận án tập trung trả lời năm câu hỏi nghiên cứu sau:

(i) Chủ thể và chính sách truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số của Chính phủ Việt Nam hiện nay được tổ chức và thực hiện như thế nào; cơ chế phối hợp và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động này ra sao?

(ii) Các kênh truyền thông, công nghệ và thuật toán được tổ chức, ứng dụng và khai thác như thế nào trong hoạt động truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số của Chính phủ Việt Nam?

(iii) Nội dung và dữ liệu truyền thông phòng, chống tin giả được tổ chức, khai thác như thế nào trên các nền tảng số của Chính phủ Việt Nam?

(iv) Công chúng tiếp nhận, tương tác và phản hồi như thế nào đối với hoạt động truyền thông phòng, chống tin giả; phản hồi của công chúng được các chủ thể truyền thông tiếp nhận và sử dụng ra sao?

(v) Hoạt động truyền thông phòng, chống tin giả đạt được những kết quả gì, còn những hạn chế và nguyên nhân nào; những vấn đề gì đặt ra và cần có những phương hướng, giải pháp nào để nâng cao hiệu quả trong thời gian tới?

Khung phân tích của luận án: Luận án vận dụng mô hình Shannon–Weaver làm cơ sở xây dựng khung phân tích, đồng thời mở rộng xem xét chiều phản hồi và cụ thể hóa vai trò của công nghệ, dữ liệu và thuật toán để phù hợp với môi trường nền tảng số theo bốn câu phần sau:.

(i) Chủ thể và chính sách truyền thông tạo cơ sở định hướng, tổ chức và thực hiện hoạt động truyền thông; bao gồm vai trò chủ thể, cơ chế chỉ đạo, chính sách, tổ chức bộ máy, nguồn lực và phối hợp.

(ii) Kênh truyền thông, công nghệ và thuật toán tạo điều kiện và tác động đến quá trình truyền dẫn, phân phối thông tin; bao gồm hệ thống kênh chính thức, ứng dụng công nghệ, dữ liệu và đặc điểm phân phối của nền tảng.

(iii) Nội dung và dữ liệu truyền thông là cơ sở hình thành, kiểm chứng và chuyển tải thông điệp; bao gồm chủ đề, hình thức thể hiện, dữ liệu phục vụ xác minh, tính chính xác, rõ ràng và khả năng phù hợp với công chúng.

(iv) Công chúng và phản hồi công chúng phản ánh quá trình tiếp nhận,

tương tác, bình luận, chia sẻ, phản ánh và báo cáo; phản hồi có giá trị sau khi được sàng lọc, kiểm tra có thể trở thành nguồn thông tin đầu vào để chủ thể điều chỉnh hoạt động truyền thông.

Bốn cấu phần được sử dụng thống nhất từ cơ sở lý luận đến phân tích thực trạng, đánh giá kết quả và xây dựng phương hướng, giải pháp; hiệu quả được xem xét đa chiều, không đồng nhất với một chỉ số tiếp cận hoặc tương tác đơn lẻ.

Những đóng góp mới của luận án:

Về lý luận, luận án góp phần làm rõ nội hàm truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số của Chính phủ theo hướng không giới hạn ở phát hiện, đính chính và phản bác sau khi thông tin sai lệch xuất hiện, mà được xem xét như một quá trình truyền thông có tổ chức, chủ động, liên tục, có tương tác và phản hồi, bao gồm cung cấp thông tin chính thống, kiểm chứng, cảnh báo, phòng ngừa và hỗ trợ nâng cao năng lực nhận diện, kiểm chứng thông tin của công chúng. Trên cơ sở vận dụng mô hình Shannon–Weaver và các lý thuyết bổ trợ, luận án xác lập bốn cấu phần gồm: chủ thể và chính sách truyền thông; kênh truyền thông, công nghệ và thuật toán; nội dung và dữ liệu truyền thông; công chúng và phản hồi công chúng, qua đó hình thành khung phân tích phù hợp với đặc điểm của truyền thông Chính phủ trong môi trường nền tảng số.

Về thực chứng, luận án xây dựng và phân tích bộ dữ liệu gồm 14.580 đơn vị nội dung trên 21 kênh truyền thông chính thức của bốn chủ thể trong giai đoạn 01/01/2025–30/5/2026, kết hợp 327 phiếu khảo sát hợp lệ và 09 cuộc phỏng vấn sâu. Việc đối chiếu các nguồn dữ liệu theo nguyên tắc tam giác hóa cung cấp bằng chứng tương đối hệ thống về cách thức truyền thông phòng, chống tin giả của Chính phủ Việt Nam được tổ chức và vận hành, từ cơ chế chủ thể, hệ thống kênh, công nghệ và dữ liệu đến đặc điểm nội dung, sự tham gia và phản hồi của công chúng; đồng thời nhận diện những kết quả, hạn chế và nguyên nhân trong từng cấu phần của quá trình truyền thông.

Về giá trị ứng dụng, từ kết quả thực chứng, luận án chỉ ra rằng nâng cao hiệu quả truyền thông phòng, chống tin giả không thể chỉ dựa vào việc gia tăng số lượng kênh, khối lượng nội dung, mức độ tương tác hoặc ứng dụng công nghệ riêng lẻ, mà cần tăng cường sự liên kết và vận hành đồng bộ giữa các cấu phần của quá trình truyền thông. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất các phương hướng và giải pháp tập trung vào hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các chủ thể; tổ chức truyền thông đa nền tảng; khai thác công nghệ và dữ liệu có kiểm soát; đổi mới nội dung theo hướng chủ động, phòng ngừa; đồng thời hoàn thiện cơ chế tiếp nhận, sàng lọc và sử dụng phản hồi, góp phần nâng cao năng lực nhận diện và kiểm chứng thông tin của công chúng.

Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án:

Về lý luận: Kết quả nghiên cứu bổ sung cơ sở tham khảo cho nghiên cứu truyền thông phòng, chống tin giả từ góc độ quan hệ công chúng khu vực công; gợi mở cách tiếp cận truyền thông Chính phủ trong môi trường số như một quá trình có sự tương tác giữa chủ thể, công nghệ, nội dung và công chúng. Khung phân tích của luận án có thể tiếp tục được tham khảo, vận dụng, kiểm chứng và hoàn thiện trong các nghiên cứu liên quan.

Về thực tiễn: Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn tham khảo cho các cơ quan nhà nước trong tổ chức và đổi mới hoạt động truyền thông phòng, chống tin giả: hoàn thiện phối hợp; tổ chức cung cấp thông tin chính thống; ứng dụng công nghệ và dữ liệu; phát triển nội dung phù hợp với nền tảng, nhóm công chúng; tiếp nhận và khai thác phản hồi. Qua đó, nghiên cứu có thể hỗ trợ nâng cao tính chủ động, khả năng phòng ngừa và hiệu quả truyền thông, góp phần củng cố niềm tin và duy trì mối quan hệ tích cực giữa Chính phủ với công chúng trong môi trường số.

Kết cấu của luận án: Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án được kết cấu thành 04 chương, gồm: (1) Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số của Chính phủ Việt Nam; (2) Cơ sở lý luận và thực tiễn về truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số của Chính phủ Việt Nam; (3) Thực trạng truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số của Chính phủ Việt Nam hiện nay; (4) Những vấn đề đặt ra, phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số của Chính phủ Việt Nam.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN TRUYỀN THÔNG PHÒNG, CHỐNG TIN GIẢ TRÊN CÁC NỀN TẢNG SỐ CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM

Luận án khảo cứu 165 tài liệu trong nước và quốc tế liên quan đến các lĩnh vực: truyền thông và công chúng trong môi trường số; tin giả và thông tin sai lệch; nền tảng số, dữ liệu, công nghệ và thuật toán; truyền thông Chính phủ, truyền thông chính sách và Chính phủ số. Các tài liệu được tiếp cận theo những xu hướng và vấn đề nghiên cứu chủ yếu thay vì mô tả riêng lẻ từng tác giả, qua đó nhận diện những kết quả đã được xác lập, những cách tiếp cận có thể kế thừa, những vấn đề còn tranh luận và khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu.

Kết quả tổng quan cho thấy các nghiên cứu trong và ngoài nước đã tạo lập nền tảng tri thức tương đối phong phú về cấu trúc và quá trình truyền thông; sự thay đổi vị thế, hành vi của công chúng trong môi trường số; khái niệm, dạng thức, động cơ và cơ chế lan truyền của tin giả; các phương thức phát hiện, kiểm chứng, đính chính, phản bác và phòng ngừa thông tin sai lệch; đồng thời làm rõ vai trò ngày càng lớn của nền tảng, dữ liệu, công nghệ, thuật toán và chuyển đổi số đối với hoạt động truyền thông của khu vực công. Nhiều nghiên cứu cũng cho thấy xu hướng chuyển từ xử lý tin giả theo từng sự việc sang tiếp cận chủ động hơn, kết hợp cung cấp thông tin chính thống, cảnh báo sớm, nâng cao năng lực truyền thông của công chúng và tăng sức chống chịu của môi trường thông tin.

Tuy nhiên, các hướng nghiên cứu hiện có phần lớn vẫn tiếp cận từng phương diện tương đối độc lập. Mối quan hệ giữa chủ thể truyền thông và chính sách; kênh truyền thông, công nghệ và thuật toán; nội dung và dữ liệu; công chúng và phản hồi chưa được đặt đầy đủ trong một quá trình truyền thông thống nhất để phân tích hoạt động phòng, chống tin giả của Chính phủ Việt Nam trên các nền tảng số. Các nghiên cứu thực chứng trong nước về vấn đề này cũng chưa cung cấp đầy đủ bằng chứng để xem xét đồng thời cơ chế tổ chức, hoạt động trên các kênh chính thức, đặc điểm nội dung, sự tiếp nhận và phản hồi của công chúng.

Từ kết quả tổng quan, luận án định vị hướng nghiên cứu theo cách tiếp cận tích hợp, xem truyền thông phòng, chống tin giả của Chính phủ không chỉ là hoạt động phát hiện, đính chính hoặc phản bác thông tin sai lệch, mà là một quá trình truyền thông có tổ chức, bao gồm cung cấp và lan tỏa thông tin chính thống, kiểm chứng, cảnh báo, phòng ngừa, tương tác và tiếp nhận phản hồi. Trên góc độ quan hệ công chúng khu vực công, luận án xây dựng khung phân tích gồm bốn câu phân đề kết nối cơ sở lý luận với khảo sát thực trạng, nhận diện những vấn đề đặt ra và đề xuất phương hướng, giải pháp.

1.1. Nghiên cứu về truyền thông và công chúng trong môi trường số

Các nghiên cứu về truyền thông cho thấy sự chuyển dịch từ cách tiếp cận chủ yếu nhấn mạnh quá trình truyền dẫn thông tin từ nguồn phát đến người nhận sang các cách tiếp cận coi trọng hơn tương tác, phản hồi, quan hệ xã hội và bối cảnh truyền thông. Trong môi trường số, quá trình truyền thông không kết thúc ở việc thông điệp được chuyển tới công chúng mà tiếp tục thông qua bình luận, chia sẻ, phản hồi và các hình thức tham gia khác. Điều này làm thay đổi quan hệ giữa chủ thể truyền thông với công chúng, đồng thời đặt ra yêu cầu nghiên cứu quá trình truyền thông trong tính liên tục và tương tác.

Các công trình nghiên cứu về công chúng cũng cho thấy công chúng không phải là người tiếp nhận thụ động. Họ chủ động lựa chọn nguồn tin, diễn giải thông điệp, kiểm chứng, bình luận, chia sẻ hoặc từ chối thông tin trên cơ sở nhu cầu, kinh nghiệm, niềm tin và bối cảnh xã hội. Những yếu tố như thiên kiến nhận thức, cảm xúc, niềm tin đối với nguồn tin và thói quen sử dụng nền tảng có thể tác động đáng kể đến việc tiếp nhận thông tin, đặc biệt trong môi trường có nhiều thông tin cạnh tranh và khó kiểm chứng. Vì vậy, hiệu quả truyền thông phòng, chống tin giả không chỉ phụ thuộc vào việc chủ thể đã phát đi thông tin gì mà còn liên quan đến khả năng công chúng tiếp cận, hiểu, tin cậy, tương tác và sử dụng thông tin đó. Sự phát triển của nền tảng số đồng thời tạo ra lượng lớn dữ liệu về hành vi công chúng như lướt xem, lướt thích, bình luận và chia sẻ. Các dữ liệu này cung cấp những tín hiệu hữu ích về mức độ tiếp cận, quan tâm và tương tác, nhưng không tự thân phản ánh sự đồng thuận, thay đổi nhận thức, niềm tin hay hiệu quả truyền thông tổng thể. Đây là cơ sở để luận án kết hợp dữ liệu nội dung và tương tác với khảo sát, phỏng vấn sâu và các nguồn tài liệu khác thay vì đánh giá hoạt động truyền thông chỉ dựa trên chỉ số nền tảng.

1.2. Nghiên cứu về tin giả

Các nghiên cứu về tin giả và thông tin sai lệch tập trung vào một số hướng chủ yếu: xác định khái niệm và dạng thức; phân tích chủ thể, mục đích và động cơ tạo lập; lý giải cơ chế hình thành và lan truyền; đánh giá tác động đối với cá nhân và xã hội; nghiên cứu các phương thức phát hiện, kiểm chứng, đính chính, phản bác và phòng ngừa. Sự phát triển của mạng xã hội, AI tạo sinh và deepfake tiếp tục làm mở rộng phạm vi nghiên cứu khi thông tin sai lệch có thể được sản xuất với quy mô lớn, hình thức ngày càng tinh vi và được phân phối nhanh qua các mạng lưới nền tảng. Luận án kế thừa khung rối loạn thông tin (*Information Disorder Framework*) để phân biệt *misinformation*, *disinformation* và *malinformation*, qua đó tránh xem mọi dạng thông tin có vấn đề như một hiện tượng đồng nhất. Cách tiếp cận này cho phép xem xét không chỉ tính đúng, sai

của nội dung mà còn chú ý đến chủ đích, ngữ cảnh sử dụng và khả năng gây tổn hại. Trên cơ sở đó, phòng, chống tin giả được đặt trong phạm vi rộng hơn việc xử lý những nội dung sai đã xuất hiện.

Một xu hướng nổi bật của nghiên cứu gần đây là sự chuyển dịch từ *debunking* – kiểm chứng, đính chính và phản bác sau khi thông tin sai lệch đã lan truyền – sang kết hợp với *prebunking*, cảnh báo sớm, giáo dục truyền thông và nâng cao khả năng tự nhận diện, kiểm chứng thông tin của công chúng. Điều này cho thấy phòng, chống tin giả cần đồng thời bao gồm cả phản ứng và phòng ngừa. Công nghệ, xử lý dữ liệu và AI có thể hỗ trợ phát hiện dấu hiệu bất thường, sàng lọc và phân tích khối lượng dữ liệu lớn, nhưng kết quả kỹ thuật không thay thế việc kiểm tra ngữ cảnh, xác minh nguồn và kết luận của chủ thể có thẩm quyền. Đây là nguyên tắc quan trọng được luận án kế thừa khi nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong truyền thông phòng, chống tin giả.

1.3. Nghiên cứu về nền tảng số, dữ liệu, công nghệ và thuật toán trong môi trường truyền thông số

Các nghiên cứu về nền tảng số cho thấy môi trường truyền thông hiện đại không còn chỉ gồm chủ thể phát, thông điệp, phương tiện và người nhận theo nghĩa truyền thống. Nền tảng số vừa là hạ tầng truyền dẫn vừa tham gia tổ chức, lựa chọn và phân phối nội dung thông qua dữ liệu, thuật toán và các cơ chế kỹ thuật. Cùng một thông điệp nhưng khả năng hiển thị, tiếp cận, lan truyền và tương tác có thể khác nhau tùy đặc điểm của Facebook, YouTube, TikTok, Zalo, cổng/trang thông tin điện tử hoặc báo điện tử.

Nghiên cứu về thuật toán đề xuất, cá nhân hóa nội dung, bong bóng lọc và buồng vang cho thấy cơ chế phân phối của nền tảng có khả năng tác động đến môi trường mà công chúng tiếp nhận thông tin. Trong truyền thông phòng, chống tin giả, điều này đặt ra một thách thức quan trọng: thông tin chính xác và chính thống không mặc nhiên tiếp cận đúng công chúng, đúng thời điểm chỉ vì đã được công bố. Khả năng cạnh tranh về tốc độ, định dạng, mức độ phù hợp với hành vi sử dụng nền tảng và cơ chế phân phối trở thành những điều kiện cần được xem xét trong tổ chức truyền thông.

Ở chiều ngược lại, dữ liệu lớn, công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên và AI mở rộng khả năng thu thập, theo dõi, sàng lọc và phân tích dòng thông tin, qua đó hỗ trợ nhận diện vấn đề, phát hiện dấu hiệu thông tin sai lệch và theo dõi phản ứng của công chúng. Tuy nhiên, giá trị của công nghệ phụ thuộc vào chất lượng dữ liệu, tiêu chí phân tích, quy trình kiểm soát và năng lực của con người. Vì vậy, luận án tiếp cận công nghệ và thuật toán như những yếu tố tham gia, hỗ trợ và tác động đến quá trình truyền thông, không coi AI hay thuật toán là chủ thể tự xác

định tính đúng, sai của thông tin hoặc thay thế thẩm quyền xác minh của cơ quan chức năng.

1.4. Nghiên cứu về truyền thông Chính phủ, truyền thông chính sách và Chính phủ số

Các nghiên cứu về truyền thông Chính phủ cho thấy sự chuyển dịch từ cách tiếp cận truyền thống, trong đó trọng tâm là cung cấp và phổ biến thông tin của cơ quan nhà nước, sang cách tiếp cận coi truyền thông là một bộ phận của quản trị công. Theo hướng này, truyền thông Chính phủ không chỉ bảo đảm quyền tiếp cận thông tin mà còn thực hiện chức năng giải thích chính sách, tạo lập sự hiểu biết, tiếp nhận phản hồi, thúc đẩy tương tác và góp phần xây dựng niềm tin giữa Nhà nước với công chúng. Quan hệ công chúng khu vực công vì vậy ngày càng gắn với yêu cầu đối thoại và duy trì mối quan hệ lâu dài với người dân.

Sự phát triển của Chính phủ số làm thay đổi điều kiện tổ chức hoạt động này. Dữ liệu, các kênh số và mạng xã hội mở rộng khả năng cung cấp thông tin trực tiếp, nhanh và đa phương tiện; đồng thời tạo ra nguồn phản hồi có thể hỗ trợ cơ quan nhà nước nhận diện nhu cầu, vấn đề và khoảng trống thông tin. Tuy nhiên, môi trường đa nền tảng cũng làm gia tăng yêu cầu phối hợp giữa các chủ thể, chuẩn hóa nguồn thông tin, bảo đảm tính nhất quán của thông điệp và thích ứng nội dung với đặc điểm của từng nền tảng và nhóm công chúng.

Đối với tin giả và thông tin sai lệch, nghiên cứu quốc tế cho thấy xu hướng chuyển từ xử lý từng nội dung riêng lẻ sang bảo vệ tính toàn vẹn của môi trường thông tin và tăng sức chống chịu của xã hội. Cách tiếp cận này đòi hỏi sự kết hợp giữa chính sách và pháp luật, cung cấp thông tin chính thống, công nghệ và dữ liệu, trách nhiệm của nền tảng, kiểm chứng thông tin, giáo dục truyền thông và sự tham gia của công chúng. Đây là cơ sở quan trọng để luận án xem truyền thông phòng, chống tin giả của Chính phủ như một quá trình quản trị truyền thông có tính chủ động, liên tục và phối hợp, thay vì chỉ là hoạt động phản ứng khi tin giả đã phát sinh.

1.5. Đánh giá chung và khoảng trống nghiên cứu

Tổng quan các công trình trong và ngoài nước cho thấy nghiên cứu về truyền thông, công chúng, tin giả, nền tảng số và truyền thông Chính phủ đã hình thành nền tảng lý luận và thực tiễn tương đối phong phú. Các nghiên cứu đã làm rõ cấu trúc và quá trình truyền thông, hành vi công chúng, đặc điểm và cơ chế lan truyền của thông tin sai lệch, vai trò của công nghệ và nền tảng số, cũng như xu hướng chuyển từ xử lý tin giả mang tính phản ứng sang kết hợp kiểm chứng, cảnh báo sớm, phòng ngừa và nâng cao năng lực nhận diện của công chúng.

Tuy nhiên, khi đặt vào đối tượng truyền thông phòng, chống tin giả trên các

nền tảng số của Chính phủ Việt Nam, vẫn còn một số khoảng trống. Các nghiên cứu hiện có chủ yếu tiếp cận từng phương diện riêng lẻ, còn thiếu cách xem xét hoạt động này như một quá trình truyền thông có tổ chức, liên tục và có phản hồi. Đồng thời, chưa có nhiều nghiên cứu tích hợp đồng thời bốn cấu phần: chủ thể và chính sách truyền thông; kênh truyền thông, công nghệ và thuật toán; nội dung và dữ liệu truyền thông; công chúng và phản hồi công chúng trong một khung phân tích thống nhất.

Về thực chứng, còn thiếu những khảo sát có hệ thống trên các kênh truyền thông chính thức của các cơ quan Chính phủ Việt Nam, kết hợp dữ liệu về chủ thể, kênh, nội dung và phản hồi công chúng. Bên cạnh đó, hiệu quả truyền thông vẫn dễ bị đồng nhất với số lượng nội dung, lượt xem hoặc tương tác nền tảng, trong khi các chỉ số này chưa phản ánh đầy đủ tính chính xác, kịp thời, mức độ tin cậy, khả năng tiếp cận nguồn chính thức, năng lực kiểm chứng và chất lượng phản hồi.

Trên cơ sở đó, luận án vận dụng mô hình Shannon–Weaver làm nền tảng lý thuyết trung tâm, kết hợp các lý thuyết bổ trợ để xây dựng khung phân tích bốn cấu phần nêu trên và khảo sát thực trạng tại bốn chủ thể, 21 kênh truyền thông chính thức. Qua đó, luận án hướng tới làm rõ truyền thông phòng, chống tin giả của Chính phủ Việt Nam như một quá trình truyền thông có tổ chức, đa thành tố, có phản hồi và có khả năng điều chỉnh trong môi trường nền tảng số.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRUYỀN THÔNG PHÒNG, CHỐNG TIN GIẢ TRÊN CÁC NỀN TẢNG SỐ CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM HIỆN NAY

Trên cơ sở những kết quả tổng quan và khoảng trống nghiên cứu được xác định ở Chương 1, Chương 2 tập trung xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc nghiên cứu truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số của Chính phủ Việt Nam. Chương làm rõ các khái niệm cốt lõi, vai trò của hoạt động truyền thông phòng, chống tin giả, cơ sở chính trị – pháp lý; đồng thời vận dụng mô hình Shannon–Weaver và các lý thuyết hỗ trợ để xác lập các cấu phần của khung phân tích. Kinh nghiệm quốc tế được xem xét nhằm rút ra những giá trị tham khảo phù hợp với điều kiện Việt Nam. Kết quả của Chương 2 tạo cơ sở lý luận và khung tham chiếu trực tiếp cho việc khảo sát, phân tích thực trạng ở Chương 3 và đề xuất phương hướng, giải pháp ở Chương 4.

2.1. Các khái niệm cốt lõi của đề tài nghiên cứu

Luận án làm rõ các khái niệm truyền thông; phòng, chống; nền tảng số; tin giả và truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số của Chính phủ. Truyền thông được tiếp cận như một quá trình tạo lập, truyền tải, tiếp nhận, trao đổi và phản hồi thông tin giữa các chủ thể trong những điều kiện xã hội và công nghệ cụ thể. Nền tảng số được hiểu là môi trường và hạ tầng công nghệ cho phép tạo lập, phân phối, tiếp nhận, tương tác và lưu trữ nội dung số; trong đó dữ liệu và thuật toán có thể tác động đến cách thức nội dung được phân phối và tiếp cận công chúng. “Tin giả” được sử dụng theo nghĩa rộng trong phạm vi nghiên cứu, kế thừa Khung rối loạn thông tin (*Information Disorder Framework*), bao gồm *misinformation*, *disinformation* và *malinformation*, nhưng vẫn phân biệt các dạng thông tin này về tính xác thực, chủ đích và ngữ cảnh sử dụng. “Phòng, chống” được hiểu là quá trình liên tục gồm chủ động cung cấp và lan tỏa thông tin chính thống; phòng ngừa, phát hiện, xác minh, kiểm chứng, cảnh báo, đính chính, phản bác thông tin sai lệch; đồng thời nâng cao năng lực nhận diện, kiểm chứng thông tin của công chúng, thay vì chỉ phản ứng sau khi thông tin sai đã lan truyền.

Trên cơ sở đó, truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số của Chính phủ Việt Nam được xác định là quá trình truyền thông có tổ chức do Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền triển khai trong môi trường số nhằm cung cấp và lan tỏa thông tin chính thống; phòng ngừa, phát hiện, xác minh, kiểm chứng, cảnh báo, đính chính, phản bác thông tin sai lệch; đồng thời tăng cường tương tác, tiếp nhận phản hồi và nâng cao khả năng nhận diện, kiểm chứng thông tin của công chúng. Khái niệm này là cơ sở xác định phạm vi nghiên cứu, các cấu phần của khung phân tích và các phương diện đánh giá thực trạng trong luận án.

2.2. Vai trò của truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số

Đối với Nhà nước và quản trị quốc gia, truyền thông phòng, chống tin giả

góp phần duy trì và củng cố nguồn thông tin chính thống, hỗ trợ giải thích và thực thi chính sách, hạn chế tác động của thông tin sai lệch, bảo vệ môi trường thông tin và nâng cao năng lực quản trị trong bối cảnh số. Việc cung cấp thông tin chính xác, kịp thời và có thẩm quyền còn góp phần thu hẹp khoảng trống thông tin, tạo cơ sở để công chúng đối chiếu và nhận diện những thông tin chưa được kiểm chứng. Hiệu quả của hoạt động này vì vậy gắn với tính chính xác, kịp thời, thẩm quyền, khả năng tiếp cận cũng như cơ chế phối hợp giữa các chủ thể.

Đối với xã hội và công chúng, truyền thông phòng, chống tin giả góp phần giúp người dân tiếp cận nguồn tin có căn cứ, nhận diện và kiểm chứng thông tin, giảm nguy cơ bị dẫn dắt bởi nội dung sai lệch; đồng thời tạo điều kiện để công chúng tương tác, phản ánh và cung cấp thông tin phản hồi. Từ góc nhìn quan hệ công chúng khu vực công, niềm tin không chỉ là kết quả của việc phát thông tin mà còn gắn với tính minh bạch, khả năng giải thích, đối thoại, sự nhất quán và cách thức cơ quan nhà nước tiếp nhận, xử lý phản hồi của công chúng. Qua đó, truyền thông phòng, chống tin giả còn góp phần duy trì mối quan hệ tích cực giữa Chính phủ với người dân trong môi trường số.

2.3. Cơ sở chính trị và pháp lý

Luận án hệ thống hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước liên quan đến thông tin, báo chí, truyền thông, chuyển đổi số, an ninh mạng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, trách nhiệm cung cấp thông tin và phòng, chống tin giả. Đây là nền tảng định hướng và khuôn khổ thể chế để xác định vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các chủ thể trong hoạt động truyền thông phòng, chống tin giả trên môi trường số. Cơ sở chính trị – pháp lý xác lập các yêu cầu về chủ động cung cấp thông tin chính thống; bảo đảm tính chính xác, kịp thời, minh bạch và an toàn thông tin; nâng cao chất lượng truyền thông chính sách; tăng cường quản lý không gian mạng và phối hợp trong xử lý thông tin sai lệch. Đồng thời, hệ thống chính sách, pháp luật là căn cứ để phân định trách nhiệm giữa cơ quan nhà nước, cơ quan báo chí, nền tảng số và các chủ thể có liên quan trong cung cấp, xác minh, xử lý và lan tỏa thông tin. Trong bối cảnh AI tạo sinh, deepfake và các phương thức thao túng thông tin mới phát triển nhanh, thực tiễn tiếp tục đặt ra yêu cầu hoàn thiện cơ chế phối hợp, chia sẻ dữ liệu và tổ chức truyền thông thích ứng với môi trường số.

2.4. Các cấu phần của truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số

Trên cơ sở vận dụng mô hình Shannon–Weaver làm nền tảng lý thuyết trung tâm, tham khảo mô hình Lasswell và các lý thuyết bổ trợ, luận án xác định truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số gồm bốn cấu phần có quan hệ chặt chẽ: chủ thể và chính sách truyền thông; kênh truyền thông, công nghệ và thuật toán; nội dung và dữ liệu truyền thông; công chúng và phản hồi công chúng. Các cấu phần này là sự cụ thể hóa những thành tố của quá trình truyền thông vào đối

tượng nghiên cứu, đồng thời tạo cơ sở để xây dựng khung phân tích và tổ chức nghiên cứu thực trạng.

Chủ thể và chính sách truyền thông giữ vai trò tổ chức, định hướng và bảo đảm điều kiện cho hoạt động truyền thông. Cấu phần này bao gồm chủ thể có chức năng, thẩm quyền; cơ chế, chính sách và quy trình phối hợp; nguồn lực và năng lực tổ chức thực hiện. Trong truyền thông phòng, chống tin giả, yêu cầu về tính kịp thời luôn gắn với tính chính xác, căn cứ, thẩm quyền và trách nhiệm. Vì vậy, năng lực phối hợp, xác minh và cung cấp thông tin chính thức là những yếu tố quan trọng bảo đảm hoạt động truyền thông có khả năng phản ứng phù hợp trước sự vận động nhanh của thông tin sai lệch.

Kênh truyền thông, công nghệ và thuật toán tạo môi trường truyền dẫn, phân phối và tiếp cận thông tin. Hệ thống kênh chính thức không chỉ bảo đảm nguồn thông tin có thẩm quyền mà còn cần được tổ chức phù hợp với đặc trưng của từng nền tảng và nhóm công chúng. Công nghệ, dữ liệu và AI có thể hỗ trợ theo dõi môi trường thông tin, phát hiện dấu hiệu bất thường, sàng lọc, phân tích và cảnh báo; trong khi cơ chế phân phối và thuật toán của nền tảng có thể tác động đến khả năng thông điệp tiếp cận công chúng. Tuy nhiên, công nghệ chỉ giữ vai trò hỗ trợ; việc xác minh và kết luận về tính đúng, sai của thông tin vẫn thuộc trách nhiệm của con người và chủ thể có thẩm quyền.

Nội dung và dữ liệu truyền thông là cơ sở hình thành và chuyển tải thông điệp phòng, chống tin giả. Nội dung bao gồm cung cấp thông tin chính thống, giải thích chính sách, kiểm chứng và xác thực, đính chính và phản bác, cảnh báo cũng như các hoạt động truyền thông phòng ngừa. Yêu cầu đối với nội dung không chỉ là chính xác, có căn cứ và kịp thời mà còn phải rõ ràng, phù hợp với đặc điểm nền tảng và nhu cầu của công chúng, tạo điều kiện để người tiếp nhận có thể nhận biết và kiểm chứng nguồn tin. Dữ liệu vừa hỗ trợ nhận diện vấn đề và xác minh thông tin, vừa cung cấp căn cứ để xây dựng, phân phối và điều chỉnh nội dung truyền thông.

Công chúng và phản hồi công chúng thể hiện chiều tiếp nhận, tương tác và phản hồi của quá trình truyền thông. Công chúng không chỉ tiếp nhận thông tin mà còn tìm kiếm, đối chiếu, chia sẻ, phản ánh và cung cấp các tín hiệu về thông tin sai lệch. Tuy nhiên, phản hồi của công chúng không mặc nhiên là thông tin đã được xác thực. Những phản hồi có giá trị cần được tiếp nhận, sàng lọc, kiểm tra và xử lý trước khi trở thành nguồn thông tin đầu vào cho chủ thể truyền thông. Chính chiều phản hồi (Feedback) làm cho quá trình truyền thông không dừng lại ở truyền dẫn một chiều mà có khả năng điều chỉnh và thích ứng liên tục trong môi trường nền tảng số.

Bốn cấu phần trên có quan hệ tương tác trong một quá trình thống nhất: chủ thể và chính sách tạo cơ sở tổ chức và định hướng; kênh, công nghệ và thuật toán tham gia vào truyền dẫn và phân phối; nội dung và dữ liệu hình thành, kiểm chứng và chuyển tải thông điệp; công chúng tiếp nhận, tương tác và tạo ra phản hồi;

những phản hồi có giá trị sau khi được xử lý có thể trở lại thành thông tin đầu vào để chủ thể điều chỉnh hoạt động truyền thông. Quan hệ này là cơ sở để luận án xây dựng khung phân tích và xem xét truyền thông phòng, chống tin giả như một quá trình có tổ chức, tương tác và phản hồi, phù hợp với đặc điểm của môi trường nền tảng số.

Từ các câu phân nêu trên, hiệu quả truyền thông phòng, chống tin giả được xem xét thông qua khả năng tổ chức và phối hợp của chủ thể; tính kịp thời và khả năng thích ứng của hệ thống kênh; mức độ hỗ trợ của công nghệ và dữ liệu đối với phát hiện, xác minh và phân phối thông tin; tính chính xác, có căn cứ, phù hợp và khả năng tiếp cận của nội dung; khả năng nhận biết nguồn chính thức, kiểm chứng, tương tác và phản hồi của công chúng; cùng khả năng tiếp nhận và sử dụng những phản hồi có giá trị để điều chỉnh hoạt động truyền thông. Theo đó, hiệu quả tổng thể không đồng nhất với số lượng nội dung, lượt xem, lượt tương tác hoặc một chỉ số nền tảng riêng lẻ, mà được xem xét trong sự vận hành và liên kết giữa các câu phân của toàn bộ quá trình truyền thông.

2.5. Kinh nghiệm quốc tế và giá trị tham khảo đối với Việt Nam

Luận án phân tích kinh nghiệm của một số quốc gia, khu vực và tổ chức quốc tế về quản trị thông tin sai lệch, kiểm chứng thông tin, trách nhiệm nền tảng, cảnh báo sớm, truyền thông công và nâng cao năng lực của công chúng. Kết quả cho thấy xu hướng chung là chuyển từ xử lý từng nội dung sai lệch sau khi xuất hiện sang cách tiếp cận chủ động hơn, kết hợp giữa thể chế, pháp luật, công nghệ, dữ liệu, cung cấp thông tin chính thống, kiểm chứng và giáo dục truyền thông.

Một số giá trị tham khảo nổi bật đối với Việt Nam là tăng cường khả năng phát hiện và cảnh báo sớm; xây dựng nguồn thông tin chính thống chính xác, kịp thời và dễ tiếp cận; kết hợp thể chế với công nghệ và dữ liệu; tăng cường phối hợp giữa các chủ thể; phát triển truyền thông phòng ngừa và nâng cao khả năng tự nhận diện, kiểm chứng thông tin của công chúng. Kinh nghiệm quốc tế đồng thời cho thấy công nghệ có vai trò hỗ trợ nhưng không thay thế thẩm quyền xác minh, trách nhiệm của cơ quan nhà nước và vai trò kiểm tra của con người.

Việc tham khảo các mô hình quốc tế cần được thực hiện có chọn lọc, không sao chép máy móc, bảo đảm phù hợp với thể chế chính trị, hệ thống pháp luật, chức năng của các cơ quan nhà nước và đặc điểm môi trường truyền thông Việt Nam. Những kinh nghiệm này bổ sung cơ sở thực tiễn để luận án đối chiếu với thực trạng trong nước và xác định các vấn đề, phương hướng, giải pháp ở các chương tiếp theo.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG TRUYỀN THÔNG PHÒNG, CHỐNG TIN GIẢ TRÊN CÁC NỀN TẢNG SỐ CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM HIỆN NAY

Trên cơ sở khung phân tích được xây dựng ở Chương 2, Chương 3 tập trung khảo sát và đánh giá thực trạng truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số của Chính phủ Việt Nam tại bốn chủ thể thuộc phạm vi nghiên cứu. Phân tích được tổ chức theo bốn cấu phần: chủ thể và chính sách truyền thông; kênh truyền thông, công nghệ và thuật toán; nội dung và dữ liệu truyền thông; công chúng và phản hồi công chúng. Các kết quả được hình thành trên cơ sở kết hợp phân tích nội dung, điều tra xã hội học, phỏng vấn sâu và đối chiếu các nguồn dữ liệu theo nguyên tắc tam giác hóa. Qua đó, Chương 3 không chỉ mô tả quy mô và đặc điểm của hoạt động truyền thông mà còn nhận diện những kết quả, hạn chế và nguyên nhân, làm cơ sở xác định các vấn đề đặt ra và xây dựng phương hướng, giải pháp ở Chương 4.

3.1. Khái quát về các chủ thể và hoạt động truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số

Chương 3 khảo sát bốn chủ thể gồm Văn phòng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an. Đây là các cơ quan có vai trò trực tiếp trong cung cấp thông tin chính thống, truyền thông chính sách và triển khai hoạt động truyền thông phòng, chống tin giả trên môi trường số; đồng thời có hệ thống kênh truyền thông chính thức hoạt động thường xuyên trên nhiều nền tảng. Truyền thông phòng, chống tin giả không được tổ chức như một hoạt động biệt lập của một cơ quan chuyên trách duy nhất mà được triển khai gắn với chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của từng chủ thể. Vì vậy, giữa bốn cơ quan vừa có những điểm chung trong cung cấp, xác minh và truyền tải thông tin chính thống, vừa có sự khác biệt về lĩnh vực quản lý, nguồn thông tin, phạm vi trách nhiệm và cấu trúc hệ thống kênh.

Phân tích thực trạng dựa trên bộ dữ liệu gồm 14.580 đơn vị nội dung thu thập từ 21 kênh truyền thông chính thức trong thời gian từ 01/01/2025 đến 30/5/2026, kết hợp với 327 phiếu khảo sát và 09 cuộc phỏng vấn sâu. Các nguồn dữ liệu được sử dụng theo chức năng bổ trợ lẫn nhau: phân tích nội dung phản ánh hoạt động truyền thông quan sát được trên các kênh chính thức; khảo sát bổ sung đánh giá của người tham gia; phỏng vấn sâu cung cấp cách lý giải từ công chúng, lãnh đạo, quản lý và người trực tiếp thực hiện. Số lượng nội dung được sử dụng để mô tả quy mô và cơ cấu của bộ dữ liệu, không phải căn cứ độc lập để xếp hạng vai trò hoặc hiệu quả của các chủ thể.

Về chủ thể và chính sách truyền thông, hoạt động phòng, chống tin giả được tích hợp vào cơ cấu tổ chức và chức năng hiện có của các cơ quan. Bộ Công an có 6.355 đơn vị nội dung, chiếm 43,6%; Văn phòng Chính phủ 4.380 đơn vị, chiếm 30,0%; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 2.045 đơn vị, chiếm 14,0%; Bộ

Quốc phòng 1.800 đơn vị, chiếm 12,3%. Sự khác nhau về số lượng phản ánh trước hết phạm vi chức năng, đặc thù lĩnh vực, mức độ phát sinh các vấn đề thông tin và hệ thống kênh thuộc phạm vi khảo sát, không đồng nghĩa với khác biệt tương ứng về hiệu quả truyền thông. Kết quả khảo sát cho thấy 84,7% người trả lời hợp lệ đánh giá các chính sách liên quan là rõ ràng; 83,6% đánh giá thông tin được cung cấp công khai, minh bạch và dễ tiếp cận. Đây là đánh giá của những người tham gia khảo sát trong phạm vi mẫu nghiên cứu, được sử dụng để bổ trợ cho phân tích thực trạng.

Về nội dung và dữ liệu truyền thông, trong 14.580 đơn vị nội dung, nhóm “tin giả và thông tin sai lệch” chiếm 24,8%; giải thích chính sách và cung cấp thông tin chính thống chiếm 19,3%; kiểm chứng và xác thực thông tin 15,9%; phản bác, đính chính 13,1%; cảnh báo lừa đảo, giả mạo trên không gian mạng 11,7%; AI, deepfake và công nghệ tạo sinh 6,3%; an toàn thông tin và an ninh mạng 5,8%; hướng dẫn nhận diện tin giả và nâng cao kỹ năng truyền thông số 3,1%. Bốn nhóm có tỷ trọng lớn nhất chiếm 73,1% tổng bộ dữ liệu, cho thấy hoạt động truyền thông không chỉ tập trung vào phản bác mà còn bao gồm cung cấp thông tin chính thống, giải thích chính sách, kiểm chứng và xác thực. Tuy nhiên, tỷ trọng nội dung trực tiếp hướng dẫn công chúng nhận diện và tự kiểm chứng thông tin còn thấp, cho thấy chiều phòng ngừa và nâng cao năng lực công chúng vẫn cần được tăng cường.

Về kênh truyền thông, công nghệ và thuật toán, 21 kênh chính thức được triển khai trên cổng/trang thông tin điện tử, báo điện tử, Facebook, YouTube, TikTok và Zalo. Facebook cùng website/báo điện tử chiếm 78,2% số đơn vị nội dung, phản ánh vai trò nổi bật của các kênh truyền thống được số hóa và mạng xã hội phổ biến. Về định dạng, bài viết/text chiếm 55,4%; video dài 22,2%; video ngắn 12,0%; infographic 7,0%; livestream 3,4%. Cơ cấu này cho thấy nội dung dạng văn bản vẫn chiếm ưu thế, trong khi các hình thức trực quan, video ngắn và tương tác trực tiếp đã được sử dụng nhưng chưa trở thành định dạng chủ đạo. Tỷ lệ tương tác quan sát được đạt 22,49% trên TikTok, 8,08% trên Facebook và 7,86% trên YouTube. Các chênh lệch này có thể liên quan đến đặc điểm công chúng, chủ đề, định dạng, quy mô tài khoản, thời điểm đăng tải và cơ chế phân phối của từng nền tảng; vì vậy chỉ được sử dụng để mô tả mức độ tương tác quan sát được trong bộ dữ liệu, không phải căn cứ khẳng định nền tảng nào có hiệu quả truyền thông cao hơn. Công nghệ, dữ liệu và AI có khả năng hỗ trợ theo dõi, sàng lọc, nhận diện xu hướng và xử lý dữ liệu, nhưng không tự xác định tính đúng, sai của thông tin và không thay thế hoạt động xác minh của cơ quan có thẩm quyền.

Về công chúng và phản hồi công chúng, dữ liệu công khai ghi nhận khoảng 116,3 triệu lượt xem trên Facebook, TikTok và YouTube, cùng khoảng 16,329 triệu lượt tương tác trên các nền tảng có dữ liệu phù hợp để tổng hợp. Các chỉ số này cho thấy quy mô tiếp xúc và tương tác quan sát được, nhưng không phản ánh

số người duy nhất và không thể trực tiếp suy ra mức độ đồng thuận, niềm tin hoặc hiệu quả truyền thông tổng thể. Khảo sát cho thấy 74,8% người trả lời hợp lệ đánh giá tích cực về khả năng gửi phản ánh, báo cáo tin giả, trong khi 67,6% đánh giá tích cực việc phản hồi được tiếp nhận và xử lý kịp thời. Sự chênh lệch này mang ý nghĩa mô tả và gợi ý rằng việc tạo ra kênh tiếp nhận phản hồi đã có những kết quả nhất định, nhưng khâu sàng lọc, xử lý và phản hồi sau tiếp nhận vẫn còn dư địa cải thiện.

3.2. Thực trạng truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số của Chính phủ Việt Nam

Phân tích theo bốn câu phần cho thấy những điều kiện cơ bản của quá trình truyền thông phòng, chống tin giả đã được hình thành: có các chủ thể chính thức và nguồn thông tin có thẩm quyền; hệ thống kênh hoạt động trên nhiều loại hình nền tảng; nội dung bao quát nhiều dạng thức từ cung cấp thông tin, giải thích chính sách đến kiểm chứng, đính chính, cảnh báo và phòng ngừa; công chúng có các điểm tiếp cận, tương tác và phản hồi. Các câu phần này bước đầu tạo nên một quá trình truyền thông có sự liên kết giữa cung cấp thông tin chính thống, xử lý thông tin sai lệch và tiếp nhận phản hồi. Tuy nhiên, sự hiện diện trên nhiều kênh chưa đồng nghĩa với việc đã hình thành một hệ thống truyền thông đa nền tảng được tổ chức đồng bộ. Việc lựa chọn định dạng, cách thức thể hiện, thời điểm phân phối và mức độ thích ứng với đặc trưng công chúng của từng nền tảng còn khác nhau giữa các chủ thể. Năng lực ứng dụng công nghệ và khai thác dữ liệu cũng chưa đồng đều; dữ liệu hiện có chưa cho thấy một cơ chế liên thông thống nhất cho phép chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu xuyên suốt giữa các chủ thể trong toàn bộ quá trình phát hiện, xác minh, truyền thông và tiếp nhận phản hồi.

Quan hệ giữa phát hiện, xác minh và phản ứng truyền thông cần được phân biệt rõ. Công nghệ có thể hỗ trợ nhận diện tín hiệu bất thường, theo dõi xu hướng, sàng lọc dữ liệu và cảnh báo những nội dung cần kiểm tra, nhưng thông tin nghi vấn vẫn phải được xác minh về nguồn, nội dung và bối cảnh trước khi hình thành kết luận chính thức. Vì vậy, yêu cầu đối với truyền thông phòng, chống tin giả không phải là phản ứng “nhANH NHẤT”, mà là rút ngắn khoảng thời gian công chúng thiếu nguồn thông tin chính thức trong khi vẫn bảo đảm tính chính xác, căn cứ, thẩm quyền và trách nhiệm.

Mối quan hệ giữa kịp thời và chính xác cũng cho thấy truyền thông phòng, chống tin giả không thể chỉ được đánh giá qua số lượng bài đăng, lượt xem hay tốc độ phản ứng. Trong những trường hợp thông tin chưa đủ căn cứ, việc cung cấp thông tin bước đầu về trạng thái xác minh, nguồn chính thức và những nội dung đã được xác định có thể giúp giảm khoảng trống thông tin mà không đồng nghĩa với kết luận vội vàng. Điều này đòi hỏi quy trình truyền thông có khả năng thích ứng với diễn biến của vấn đề, đồng thời duy trì ranh giới rõ ràng giữa thông tin đã được xác minh và nội dung còn đang được kiểm tra.

Dữ liệu khảo sát và phỏng vấn sâu được sử dụng để bổ sung, giải thích và đối chiếu với kết quả phân tích nội dung. Các kết quả khảo sát phản ánh nhận thức và đánh giá của những người tham gia trong phạm vi mẫu, không được sử dụng để xác lập quan hệ nhân quả hoặc suy rộng cho toàn bộ công chúng Việt Nam. Phỏng vấn sâu giúp làm rõ những vấn đề khó nhận diện hoàn toàn từ số liệu, như quy trình phối hợp, điều kiện nguồn lực, khó khăn trong xử lý thông tin hoặc cách các chủ thể tiếp nhận phản hồi.

Việc đối chiếu các nguồn dữ liệu được thực hiện theo nguyên tắc tam giác hóa. Khi nhiều nguồn cùng phản ánh một xu hướng, sự tương hợp góp phần củng cố nhận định; khi có khác biệt, luận án xem xét đặc điểm, phạm vi và giới hạn của từng nguồn để lý giải thay vì mặc nhiên ưu tiên một nguồn hoặc sử dụng nguồn này thay thế nguồn khác. Cách tiếp cận này giúp hạn chế việc đánh giá thực trạng

3.3. Đánh giá chung về thực trạng truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số của Chính phủ Việt Nam

Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động truyền thông phòng, chống tin giả của các chủ thể khảo sát đã từng bước được tổ chức trên hệ thống kênh chính thức tương đối đa dạng, tạo nguồn thông tin có thẩm quyền và mở rộng khả năng tiếp cận công chúng trong môi trường số. Hoạt động truyền thông không chỉ tập trung vào định chính, phản bác thông tin sai lệch mà đã bao quát các nội dung cung cấp thông tin chính thống, giải thích chính sách, kiểm chứng, xác thực, cảnh báo và phòng ngừa. Công nghệ và dữ liệu từng bước được khai thác để hỗ trợ theo dõi, sàng lọc và xử lý thông tin; công chúng có thêm điều kiện tiếp nhận, tương tác và phản ánh những vấn đề liên quan đến thông tin sai lệch. Những kết quả này cho thấy các cấu phần cơ bản của quá trình truyền thông phòng, chống tin giả đã được hình thành và vận hành trong thực tiễn.

Tuy nhiên, kết quả phân tích cũng cho thấy sự hiện diện trên nhiều kênh chưa đồng nghĩa với truyền thông đa nền tảng hiệu quả. Khả năng phân vai và liên kết giữa các kênh, thích ứng nội dung và định dạng với đặc trưng của từng nền tảng, chia sẻ và khai thác dữ liệu còn chưa đồng đều. Vì vậy, số lượng kênh, khối lượng nội dung hay mức độ tương tác phản ánh những phương diện nhất định của hoạt động truyền thông nhưng không đủ để xác định hiệu quả tổng thể.

Nội dung truyền thông đã thể hiện sự kết hợp giữa xử lý thông tin sai lệch với cung cấp thông tin chủ động và phòng ngừa, song mức độ cân đối giữa các nhóm nội dung còn hạn chế. Nội dung trực tiếp hướng dẫn nhận diện tin giả và nâng cao kỹ năng truyền thông số chỉ chiếm 3,1% tổng số đơn vị nội dung được phân tích. Tỷ trọng này không tự thân phản ánh chất lượng hoặc hiệu quả truyền thông, nhưng cho thấy nội dung hỗ trợ công chúng nâng cao khả năng tự nhận diện, kiểm chứng và ứng xử với thông tin sai lệch còn hạn chế so với yêu cầu tăng cường truyền thông phòng ngừa.

Công nghệ, dữ liệu và AI mở rộng khả năng theo dõi môi trường thông tin,

phát hiện dấu hiệu bất thường, sàng lọc, phân nhóm và phân tích nội dung, nhưng không thay thế hoạt động xác minh và kết luận của con người và chủ thể có thẩm quyền. Việc xác định tính đúng, sai của thông tin vẫn phải dựa trên nguồn, dữ liệu đối chứng, bối cảnh, chuyên môn và thẩm quyền. Tương tự, sự khác biệt về lượt xem và tương tác giữa các nền tảng chỉ phản ánh kết quả phân phối và tương tác quan sát được, không đủ cơ sở để xác định quan hệ nhân quả hoặc kết luận nền tảng nào có hiệu quả truyền thông cao hơn.

Phản hồi của công chúng đã trở thành một bộ phận của quá trình truyền thông, cung cấp những tín hiệu có giá trị về nhu cầu thông tin, vấn đề đang được quan tâm và dấu hiệu của thông tin sai lệch. Tuy nhiên, khả năng tiếp nhận, sàng lọc, xác minh, xử lý và chuyển hóa phản hồi thành nguồn thông tin đầu vào cho hoạt động truyền thông còn cần được hoàn thiện. Phản hồi của công chúng chỉ có giá trị đối với quá trình điều chỉnh truyền thông sau khi được kiểm tra và xử lý phù hợp, không thay thế việc xác minh và kết luận của cơ quan có thẩm quyền. Đây là mắt xích có ý nghĩa đối với việc hình thành một chu trình truyền thông có phản hồi và khả năng điều chỉnh trong môi trường nền tảng số.

Những hạn chế trên trước hết gắn với sự biến đổi nhanh và phức tạp của môi trường thông tin số. Tin giả và thông tin sai lệch có khả năng phát sinh, biến đổi và lan truyền nhanh; cơ chế phân phối của nền tảng và thuật toán tác động đến khả năng tiếp cận thông tin; AI tạo sinh và deepfake làm gia tăng quy mô, tốc độ và mức độ tinh vi của nội dung sai lệch. Trong khi đó, thông tin chính thức phải tuân thủ yêu cầu về kiểm tra, xác minh, thẩm quyền, tính chính xác và trách nhiệm trước khi công bố.

Bên cạnh những yếu tố khách quan, cơ chế phối hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các chủ thể chưa thật đồng bộ; năng lực công nghệ và nguồn nhân lực giữa các đơn vị còn chưa đồng đều; việc tổ chức nội dung chưa thích ứng đầy đủ với đặc trưng của từng nền tảng và nhóm công chúng; cơ chế tiếp nhận, sàng lọc, xử lý và khai thác phản hồi chưa hoàn thiện. Những yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng liên kết giữa các cấu phần và khả năng tổ chức hoạt động truyền thông một cách đồng bộ, chủ động và thích ứng.

CHƯƠNG 4

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRUYỀN THÔNG PHÒNG, CHỐNG TIN GIẢ TRÊN CÁC NỀN TẢNG SỐ CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM

Trên cơ sở kết quả phân tích thực trạng ở Chương 3, Chương 4 tập trung xác định những vấn đề đặt ra đối với truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số của Chính phủ Việt Nam; từ đó đề xuất phương hướng và các nhóm giải pháp tương ứng với bốn cấu phần của khung phân tích. Các đề xuất được xây dựng trên cơ sở những hạn chế, nguyên nhân và yêu cầu đã được nhận diện từ nghiên cứu thực chứng, hướng tới tăng tính chủ động, khả năng phối hợp, mức độ thích ứng với môi trường nền tảng số và hiệu quả sử dụng dữ liệu, đồng thời bảo đảm nguyên tắc về thẩm quyền, tính chính xác và trách nhiệm trong cung cấp thông tin.

4.1. Những vấn đề đặt ra đối với truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số của Chính phủ Việt Nam

Kết quả nghiên cứu cho thấy vấn đề cốt lõi hiện nay không nằm ở sự thiếu vắng các cấu phần của quá trình truyền thông, mà ở mức độ liên kết, phối hợp và hiệu quả vận hành giữa các cấu phần đó. Nguồn thông tin chính thức có ưu thế về thẩm quyền và độ tin cậy, nhưng phải vận hành trong môi trường mà tốc độ lan truyền, khả năng khuếch đại và sự chú ý của công chúng chịu tác động mạnh của nền tảng, dữ liệu và thuật toán. Vì vậy, yêu cầu đặt ra là nâng cao tính chủ động và khả năng thích ứng mà không làm suy giảm các nguyên tắc về xác minh, thẩm quyền và trách nhiệm.

Khả năng phối hợp giữa các chủ thể có ý nghĩa trực tiếp đối với tính kịp thời của thông tin chính thức. Phản ứng nhanh cần được phân biệt với kết luận vội vàng; vấn đề cốt lõi là rút ngắn khoảng thời gian công chúng thiếu nguồn thông tin chính thức trong khi vẫn bảo đảm kiểm tra, xác minh và đúng thẩm quyền. Điều này đòi hỏi quy trình phối hợp linh hoạt hơn, đồng thời duy trì ranh giới rõ ràng giữa thông tin đã được xác minh và nội dung còn đang được kiểm tra.

Sự hiện diện trên nhiều nền tảng cũng cần được chuyển hóa thành năng lực tổ chức truyền thông đa nền tảng thực chất. Các kênh cần có sự phân vai, liên kết và thích ứng với đặc trưng phân phối, định dạng và công chúng của từng môi trường. Công nghệ và dữ liệu phải hỗ trợ thiết thực cho nhận diện vấn đề, xác minh, cảnh báo và ra quyết định truyền thông, thay vì chỉ phục vụ mở rộng độ phủ hoặc gia tăng tương tác.

Chất lượng nội dung phụ thuộc vào khả năng dung hòa giữa tính chính xác, đầy đủ, có căn cứ với yêu cầu rõ ràng, dễ tiếp nhận và dễ kiểm chứng. Dữ liệu vì vậy không chỉ phục vụ theo dõi diễn biến mà còn cần trở thành nguồn lực cho xây dựng và điều chỉnh nội dung. Cùng với đó, phản hồi của công chúng cần được khai thác như một nguồn tín hiệu để nhận diện nhu cầu và khoảng trống thông tin,

trên cơ sở được sàng lọc, kiểm tra và xử lý phù hợp. Việc nâng cao năng lực tự nhận diện, kiểm chứng và chia sẻ thông tin có trách nhiệm của công chúng cũng cần trở thành một bộ phận hữu cơ của truyền thông phòng ngừa.

Những vấn đề trên cho thấy hiệu quả truyền thông phòng, chống tin giả được quyết định bởi khả năng vận hành đồng bộ giữa tổ chức, kênh truyền thông, công nghệ, dữ liệu, nội dung và công chúng, thay vì bởi một yếu tố hay một chỉ số riêng lẻ.

4.2. Phương hướng nâng cao hiệu quả truyền thông phòng, chống tin giả trên nền tảng số của Chính phủ Việt Nam

Truyền thông phòng, chống tin giả cần chuyển mạnh theo hướng chủ động, phối hợp, dựa trên dữ liệu và thích ứng với môi trường nền tảng số, đồng thời bảo đảm thẩm quyền, tính chính xác, minh bạch và trách nhiệm. Hiệu quả truyền thông vì vậy phải được nhìn nhận từ sự vận hành của toàn bộ quá trình truyền thông, không đồng nhất với quy mô lượt xem, tương tác hoặc bất kỳ chỉ số nền tảng đơn lẻ nào. Cơ chế tổ chức cần được hoàn thiện theo hướng xác định rõ chức năng, thẩm quyền, đầu mối và quy trình phối hợp. Khả năng liên thông giữa các chủ thể phải đủ linh hoạt để rút ngắn thời gian từ khi nhận diện vấn đề đến khi xác minh và cung cấp thông tin chính thức, nhưng không đánh đổi độ chính xác và trách nhiệm lấy tốc độ.

Hệ thống kênh cần phát triển từ hiện diện đa kênh sang tổ chức truyền thông đa nền tảng có phân vai và liên kết. Website, cổng thông tin và báo điện tử phát huy vai trò nguồn thông tin chính thức, lưu trữ và truy xuất; mạng xã hội tăng khả năng phân phối, tiếp cận và tương tác. Công nghệ, dữ liệu và AI được khai thác để hỗ trợ theo dõi, phát hiện, sàng lọc, phân tích và cảnh báo, nhưng phải gắn với kiểm soát của con người và trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền.

Nội dung truyền thông cần gia tăng tính chủ động và phòng ngừa, đồng thời bảo đảm chính xác, dễ tiếp nhận, dễ kiểm chứng và phù hợp với từng nền tảng, nhóm công chúng. Cùng với cung cấp và xác thực thông tin chính thức, cần chú trọng hơn nội dung cảnh báo sớm, hướng dẫn nhận diện, kiểm chứng và nâng cao kỹ năng thông tin, qua đó tăng khả năng tự bảo vệ của công chúng trước thông tin sai lệch.

Phản hồi cần được đặt đúng vị trí trong chu trình truyền thông. Việc hoàn thiện cơ chế tiếp nhận, sàng lọc, phân loại và sử dụng phản hồi không chỉ giúp tăng chất lượng tương tác mà còn cung cấp tín hiệu để nhận diện vấn đề, nhu cầu và khoảng trống thông tin. Tuy nhiên, phản hồi của công chúng không thay thế hoạt động xác minh và kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

Theo hướng đó, bốn cấu phần không vận hành tách biệt mà tạo thành một quá trình liên tục: chủ thể tổ chức và định hướng hoạt động; kênh, công nghệ hỗ trợ truyền dẫn và phân phối; nội dung và dữ liệu hình thành thông điệp; công chúng tiếp nhận, tương tác và phản hồi; kết quả phản hồi tiếp tục cung cấp căn cứ để điều chỉnh hoạt động truyền thông.

4.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số của Chính phủ Việt Nam

Hệ thống giải pháp được xây dựng từ những vấn đề được nhận diện qua kết quả thực chứng, bám sát các phương hướng đã xác lập và được tổ chức tương ứng với bốn cấu phần của khung phân tích, qua đó bảo đảm sự thống nhất giữa cơ sở lý luận, phát hiện nghiên cứu và hàm ý thực tiễn của luận án. Các giải pháp được xây dựng trên nguyên tắc gắn trực tiếp với những vấn đề đã được nhận diện và phương hướng đã xác lập. Trong quá trình đó, cơ quan nhà nước và chủ thể có thẩm quyền thực hiện xác minh, kết luận và cung cấp thông tin chính thức; cơ quan báo chí, truyền thông chuyển hóa, giải thích và phân phối thông tin theo chức năng; nền tảng số thực hiện trách nhiệm đối với tài khoản, nguồn tin, nội dung giả mạo và các nghĩa vụ pháp lý; công chúng cung cấp phản ánh và tín hiệu; AI hỗ trợ sàng lọc, phân tích và cảnh báo nhưng không thay thế con người trong xác định tính đúng, sai của thông tin.

Cơ chế phối hợp cần được cụ thể hóa bằng việc xác định rõ đầu mối, thẩm quyền và quy trình liên thông từ phát hiện, xác minh, cung cấp thông tin chính thức đến theo dõi và xử lý phản hồi. Song song với hoàn thiện quy trình là nâng cao năng lực của đội ngũ truyền thông số, tăng chia sẻ thông tin và dữ liệu giữa các đơn vị, chủ động cung cấp thông tin đối với những vấn đề có nguy cơ tạo ra khoảng trống thông tin.

Hệ thống kênh cần được tổ chức theo nguyên tắc tích hợp và bổ trợ chức năng. Các kênh chính thức bảo đảm giá trị tham chiếu và khả năng truy xuất, trong khi mạng xã hội phát huy lợi thế về phân phối, tiếp cận và tương tác. Công nghệ, AI và các công cụ phân tích dữ liệu được sử dụng để hỗ trợ phát hiện, sàng lọc, phân nhóm, cảnh báo và nhận diện xu hướng; mọi kết quả xử lý tự động phải gắn với dữ liệu có nguồn, sự kiểm tra của con người và trách nhiệm của chủ thể có thẩm quyền.

Đổi mới nội dung cần hướng tới sự kết hợp giữa xử lý thông tin sai lệch với truyền thông chủ động và phòng ngừa. Nội dung phải có nguồn xác thực, dễ truy xuất và được tổ chức phù hợp với đặc điểm từng nền tảng, nhóm công chúng; tăng sử dụng các hình thức trực quan và nội dung hướng dẫn tự kiểm chứng. Dữ liệu chính thức, dữ liệu về thông tin sai lệch, nguồn đối chứng và phản hồi có giá trị cần được tổ chức theo hướng có khả năng kết nối, đối chiếu và tái sử dụng, phục vụ xây dựng và điều chỉnh thông điệp.

Phản hồi của công chúng cần được đưa vào một quy trình thống nhất từ tiếp nhận, sàng lọc, phân loại, xác định thẩm quyền đến xử lý và phản hồi. Trọng tâm không chỉ là số lượng tương tác mà là nội dung và giá trị thông tin của phản hồi. Đồng thời, cần nâng cao khả năng kiểm tra nguồn, đối chiếu bối cảnh, nhận diện dấu hiệu bất thường và chia sẻ thông tin có trách nhiệm, nhất là trước các nội dung có dấu hiệu được tạo lập hoặc thao túng bằng AI và deepfake.

KẾT LUẬN

Luận án tiếp cận truyền thông phòng, chống tin giả trên các nền tảng số của Chính phủ Việt Nam như một quá trình truyền thông có tổ chức, chủ động, liên tục, có tương tác và phản hồi. Trên cơ sở vận dụng mô hình Shannon–Weaver làm nền tảng lý thuyết trung tâm và các lý thuyết bổ trợ, luận án xác lập bốn cấu phần: chủ thể và chính sách truyền thông; kênh truyền thông, công nghệ và thuật toán; nội dung và dữ liệu truyền thông; công chúng và phản hồi công chúng. Cách tiếp cận này cho phép xem xét hoạt động phòng, chống tin giả không chỉ ở phát hiện, đính chính và phản bác mà còn ở cung cấp thông tin chính thống, kiểm chứng, cảnh báo, phòng ngừa và nâng cao năng lực nhận diện, kiểm chứng thông tin của công chúng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động truyền thông phòng, chống tin giả được triển khai trong cơ cấu tổ chức và chức năng hiện có của các chủ thể có thẩm quyền, song cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu và năng lực thực hiện giữa các đơn vị còn chưa đồng đều. Hệ thống 21 kênh chính thức đã tạo khả năng cung cấp và phân phối thông tin trên nhiều loại hình nền tảng, với sự hỗ trợ ngày càng rõ hơn của công nghệ và dữ liệu; tuy nhiên, sự hiện diện đa kênh chưa đồng nghĩa với truyền thông đa nền tảng hiệu quả, mức độ liên kết giữa các kênh, khai thác dữ liệu và thích ứng với đặc trưng của từng nền tảng vẫn cần được cải thiện. Công nghệ và AI có giá trị hỗ trợ phát hiện, sàng lọc và phân tích nhưng không thay thế việc xác minh và kết luận của con người và chủ thể có thẩm quyền.

Nội dung truyền thông đã bao quát từ cung cấp thông tin chính thống, giải thích chính sách, kiểm chứng, xác thực đến đính chính, phản bác, cảnh báo và phòng ngừa. Tuy nhiên, nội dung trực tiếp hướng dẫn nhận diện tin giả và nâng cao kỹ năng truyền thông số mới chiếm 3,1%, cho thấy nội dung hỗ trợ công chúng tự nhận diện và kiểm chứng thông tin còn hạn chế. Công chúng đã tham gia quá trình truyền thông thông qua tiếp nhận, tương tác và phản ánh, nhưng cơ chế sàng lọc, xác minh, xử lý và chuyển hóa những phản hồi có giá trị thành nguồn thông tin đầu vào cho hoạt động truyền thông vẫn là mắt xích cần tiếp tục hoàn thiện. Từ các kết quả trên, luận án cho thấy hiệu quả truyền thông phòng, chống tin giả cần được xem xét trong sự vận hành đồng bộ của toàn bộ quá trình truyền thông, thay vì suy ra từ số lượng kênh, khối lượng nội dung, tốc độ phản ứng, lượt xem hoặc mức độ tương tác riêng lẻ. Chủ thể và cơ chế phối hợp, hệ thống kênh, công nghệ và dữ liệu, nội dung, công chúng và phản hồi có quan hệ chặt chẽ; trong đó, những phản hồi có giá trị sau khi được sàng lọc và xác minh có thể trở thành nguồn thông tin đầu vào để điều chỉnh hoạt động truyền thông. Đây là mối quan hệ xuyên suốt kết nối khung lý luận với các phát hiện thực chứng của luận

án. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất các nhóm giải pháp tập trung vào hoàn thiện chính sách và cơ chế phối hợp; tổ chức truyền thông đa nền tảng và ứng dụng công nghệ có kiểm soát; đổi mới nội dung, khai thác dữ liệu theo hướng chủ động và phòng ngừa; hoàn thiện cơ chế phản hồi và nâng cao năng lực công chúng. Kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ cơ sở lý luận về truyền thông phòng, chống tin giả của Chính phủ như một quá trình truyền thông có tổ chức và có phản hồi; cung cấp bằng chứng thực chứng có hệ thống về hoạt động này trong phạm vi nghiên cứu; đồng thời cung cấp luận cứ cho việc nâng cao tính chủ động, phối hợp và khả năng thích ứng của truyền thông Chính phủ trong môi trường số.

DANH MỤC

MINH CHỨNG KINH NGHIỆM KHOA HỌC CỦA NGHIÊN CỨU SINH

TT	Tác giả và đề tài	Năm	Tạp chí
1	Nguyễn Văn Thuật: <i>Mối đe dọa an ninh truyền thông trong kỷ nguyên số.</i>	2025	Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị, số 7 (120) - 2025, tr.83.
2	Nguyễn Văn Thuật: <i>Truyền thông di sản văn hóa trong kỷ nguyên số: Thực trạng và giải pháp.</i>	2025	Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật số 624, tháng 11-2025, https://vanhoanghethuat.vn/truyen-thong-di-san-van-hoa-trong-k-nguyen-so-thuc-trang-va-giai-phap-77760029.html?zarsrc=30&utm_source=zalo&utm
3	Nguyễn Văn Thuật: <i>Truyền thông phòng, chống tin giả trong kỷ nguyên số: nghiên cứu trường hợp về Đại hội Đảng.</i>	2026	Tạp chí Quản lý Nhà nước điện tử, https://www.quanlynhanuoc.vn/2026/01/21/truyen-thong-phong-chong-tin-gia-trong-ky-nguyen-so-nghien-cuu-truong-hop-ve-dai-hoi-dang/?utm
4	Nguyễn Văn Thuật: <i>Nâng cao vai trò của truyền thông trong việc kiến tạo địa điểm từ nguồn lực văn hoá, nghệ thuật và sáng tạo tại Việt Nam.</i>	2026	Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật số 636, tháng 3 – 2026, tr.130
5	Nguyễn Văn Thuật, <i>Nâng cao hiệu quả truyền thông về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong giai đoạn mới.</i>	2026	Tạp chí Lý luận Chính trị điện tử, https://lyluanchinhtri.vn/nang-cao-hieu-qua-truyen-thong-ve-cong-tac-nguoi-viet-nam-o-nuoc-ngoai-trong-giai-doan-moi-13539.html .